

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SOVICO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SOVICO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SOVICO ENERGY HOLDINGS COMPANY

Tên công ty viết tắt: SVC ENERGY HOLDINGS

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108816650

**3. Ngày thành lập:** 10/07/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phòng 1039, tầng 10, tòa nhà Pacific Place, 83B Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 39422266

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Khai thác dầu thô                                                                         | 0610(Chính) |
| 2.  | Khai thác khí đốt tự nhiên                                                                | 0620        |
| 3.  | Khai thác quặng sắt                                                                       | 0710        |
| 4.  | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt                                              | 0722        |
| 5.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                           | 0810        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên                                | 0910        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác                                                 | 0990        |
| 8.  | Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan                                         | 3030        |
| 9.  | Sản xuất mô tô, xe máy                                                                    | 3091        |
| 10. | Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu                      | 3099        |
| 11. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                | 3312        |
| 12. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                    | 3313        |
| 13. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                    | 3314        |
| 14. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) | 3315        |
| 15. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                    | 3319        |
| 16. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                   | 3320        |
| 17. | Sản xuất điện                                                                             | 3511        |
| 18. | Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống                                 | 3520        |
| 19. | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá           | 3530        |
| 20. | Phá dỡ                                                                                    | 4311        |
| 21. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                         | 4312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4321 |
| 23. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4322 |
| 24. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4329 |
| 25. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4330 |
| 26. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4390 |
| 27. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4610 |
| 28. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659 |
| 29. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4661 |
| 30. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4662 |
| 31. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4663 |
| 32. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4669 |
| 33. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4620 |
| 34. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6619 |
| 35. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7020 |
| 36. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7110 |
| 37. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7120 |
| 38. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7212 |
| 39. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7730 |
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.                                                                                                                                                                                                                                                  | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông            | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức        | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THANH HÙNG      | Số 65/2 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông         | 128.600    | 1.286.000.000         | 12,860    | 023289366                                                                                   |         |
|     |                        |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                             | Tổng số                   | 128.600    | 1.286.000.000         | 12,860    |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                             |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | Số 52, phố Ngô Thị Nhậm, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 794.300    | 7.943.000.000         | 79,430    | C6705555                                                                                    |         |
|     |                        |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                             | Tổng số                   | 794.300    | 7.943.000.000         | 79,430    |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                             |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                    |                                                                                                               |                                    |        |             |       |                  |
|---|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|-------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>CẢNH SƠN | Số 52, phố Ngô<br>Thì Nhậm,<br>Phường Ngô Thị<br>Nhậm, Quận Hai<br>Bà Trưng, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 77.100 | 771.000.000 | 7,710 | 0270720003<br>31 |
|   |                    |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                               | Tổng số                            | 77.100 | 771.000.000 | 7,710 |                  |
|   |                    |                                                                                                               |                                    |        |             |       |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THANH HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 15/04/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 023289366

Ngày cấp: 16/04/2015

Nơi cấp: Công an thành phố Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 65/2 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 65/2 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội